

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD02078**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Hệ điều hành Windows**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454802030493	Lê Ngọc Minh	Anh	10/01/2009			9	9.0	9.0		10.0		9.6
2	2454802030494	Phan Minh	Chiến	29/07/2009			7	8.0	8.0		8.0		7.9
3	2454802030495	Nguyễn Hoàng	Duy	18/01/2009			7	8.0	9.0		9.0		8.7
4	2454802030496	Nguyễn Quốc	Đạt	11/08/2009			7	8.0	8.0		9.5		8.8
5	2454802030497	Nguyễn Gia	Hào	27/10/2009			8	9.0	10.0		9.5		9.4
6	2454802030498	Nguyễn Quốc	Hào	19/12/2009			8	9.0	8.0		6.0		7.0
7	2454802030499	Nguyễn Huỳnh Diễm	Hằng	16/02/2009			9	9.0	10.0		8.0		8.6
8	2454802030500	Lê Kim	Hoàng	07/02/2009			8	9.0	10.0		10.0		9.7
9	2454802030501	Huỳnh Thị Thuyền	Kim	17/11/2009			9	10.0	9.0		9.5		9.5
10	2454802030502	Bùi Thị Trúc	Linh	23/05/2008			9	9.0	9.0		10.0		9.6
11	2454802030503	Nguyễn Thành	Long	01/07/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2454802030504	Lục Thị Hiền	Mỹ	13/06/2009			9	10.0	10.0		10.0		9.9
13	2454802030505	Đỗ Thị Kim	Ngân	25/12/2009			9	9.0	9.0		10.0		9.6
14	2454802030506	Võ Hữu	Nghĩa	11/11/2009			7	8.0	8.0		7.0		7.3
15	2454802030507	Trần Thị Kim	Ngọc	06/05/2009			9	9.0	9.0		10.0		9.6
16	2454802030508	Nguyễn Trọng	Phúc	04/10/2009			7	8.0	8.0		9.0		8.5
17	2454802030509	Nguyễn Trần Kim	Phượng	12/10/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
18	2454802030510	Võ Thành	Sang	06/03/2008			9	10.0	9.0		9.0		9.2
19	2454802030511	Võ Thành	Tân	30/03/2009			8	8.0	8.0		0.0	0.0	3.2
20	2454802030512	Nguyễn Duy	Thái	01/04/2008			9	9.0	8.0		6.0		7.0
21	2454802030513	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	27/10/2009			9	9.0	9.0		7.5		8.1
22	2454802030514	Đoàn Nhật	Thiện	05/04/2009			8	8.0	9.0		9.0		8.8
23	2454802030515	Nguyễn Thị Anh	Thơ	28/11/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
24	2454802030516	Lê Nguyễn Quốc	Thuận	13/01/2009			8	8.0	8.0		8.0		8.0
25	2454802030517	Võ Bảo	Thy	27/08/2009			10	10.0	10.0		10.0		10.0
26	2454802030518	Lê Phúc	Toàn	03/03/2009			8	8.0	10.0		8.0		8.3
27	2454802030519	Nguyễn Minh	Triết	14/08/2008			9	9.0	8.0		7.0		7.6
28	2454802030520	Phan Thị Mai	Trinh	04/07/2009			9	9.0	9.0		9.0		9.0
29	2454802030521	Hà Thị Ánh	Trúc	06/09/2009			8	9.0	9.0		8.5		8.6
30	2454802030522	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	01/07/2007			9	9.0	9.0		9.0		9.0
31	2454802030523	Nguyễn Hoàng	Tuấn	25/01/2009			8	8.0	10.0		10.0		9.5
32	2454802030524	Đặng Thị Bảo	Tuyền	10/05/2009			8	8.0	10.0		9.0		8.9
33	2454802030525	Huỳnh Thị Trang	Uyên	22/02/2008			8	9.0	9.0		9.5		9.2
34	2454802030526	Đặng Thị Thúy	Vân	13/08/2009			9	9.0	9.0		9.0		9.0
35	2454802030527	Lê Nguyễn Đoàn	Vinh	13/05/2009			8	9.0	10.0		9.0		9.1
36	2454802030528	Nguyễn Quốc	Vinh	12/09/2009			9	9.0	8.0		8.0		8.2

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2454802030529	Nguyễn Thị Triệu Vy	09/10/2009				9	9.0	9.0			8.5		8.7
38	2454802030530	Võ Thị Kiều Vy	16/02/2009				9	9.0	9.0			9.0		9.0

Châu Đốc, ngày 19 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lý Thành Luân